



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Kế toán Khoá đào tạo: 2025
Trình độ đào tạo: Đại học Hình thức đào tạo: Chính quy
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5420/QĐ-ĐHĐT ngày 20 tháng 8 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			32						
I. Ngoại ngữ (*)				Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng (*)			11						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					2
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		2
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		2
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		2
IV. Giáo dục thể chất (*)			3						
4.1. Học phần bắt buộc			2						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				2
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2* (Bơi lội)	1		30		GE4306		3
2.2. Học phần thể chất tự chọn			1						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		4
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		4
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		4
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		4
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		4
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		4
13	GE4347	Pickleball*	1		30		GE4306		4
V. Đại cương chung			18						
5.1. Đại cương chung bắt buộc			16						
14	EC4501A	Nhập môn ngành Kế toán	1	15					1
15	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
16	GE4039	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30					1
17	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	20	20				2
18	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
19	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		3
20	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		4
21	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		5
5.2. Đại cương chung tự chọn (chọn ít nhất 02 tín chỉ)			2						
22	GE4049	Tiếng Việt thực hành	2	20	20				3
23	GE4407	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm	2	30					3
24	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30					3
25	GE4061	Xã hội học đại cương	2	30					3
26	PO4005	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30					3
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			102						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			12						
27	EC4001	Kinh tế vi mô	3	45					1
28	EC4002	Kinh tế vĩ mô	3	45			EC4001		3
29	EC4003	Luật kinh tế	2	30					2
30	EC4144	Quản lý nhà nước về kinh tế	2	30					3
31	EC4008	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	30					6
II. Kiến thức cơ sở ngành			21						
32	EC4010	Toán kinh tế	3	45					4
33	EC4005	Marketing căn bản	3	45					1
34	EC4009	Quản trị học	3	45					4

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
35	EC4004	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	3	45					5
36	EC4006	Nguyên lý kế toán	3	45					4
37	EC4112	Thuế	3	45					3
38	EC5001	Thống kê ứng dụng trong kinh tế	3	30	30				5
III. Kiến thức chuyên ngành			41						
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			32						
39	EC4284	Luật kế toán	2	30					4
40	EC4103	Kế toán tài chính 1	3	45			EC4006		5
41	EC4101	Kế toán quản trị 1	3	45			EC4006		5
42	EC4154N	Phân tích báo cáo tài chính	3	35	20		EC4240A		7
43	EC4211	Kế toán chi phí	3	45			EC4006		7
44	EC4215	Kế toán tài chính 2	3	45			EC4103		6
45	EC4210	Kế toán và khai báo thuế	3	35	20		EC4006		7
46	EC4209	Hệ thống thông tin kế toán	3	45					8
47	EC4244	Tổ chức thực hiện công tác kế toán	3	30	30		EC4215		8
48	EC4212	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	45			EC4006		9
49	EC4301N	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS)	3	45					9
3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			9						
3.2.1. Nhóm 1 (chọn ít nhất 03 tín chỉ)			3						
50	EC4240A	Tài chính doanh nghiệp	3	45					6
51	EC4110	Tài chính quốc tế	3	45			EC4002		6
52	EC4135	Thị trường tài chính	3	45					6
53	EC4128N	Lý thuyết bảo hiểm	3	45					6
3.2.2. Nhóm 2 (chọn ít nhất 03 tín chỉ)			3						
54	EC4214	Kế toán quản trị 2	3	45			EC4101		7
55	EC4109	Quản trị tài chính	3	45					7
56	EC4206	Giao tiếp kinh doanh	3	45					7
57	EC4230	Quản trị hành chánh văn phòng	3	45					7
3.2.3. Nhóm 3 (chọn ít nhất 03 tín chỉ)			3						
58	EC4100	Kế toán ngân hàng	3	35	20		EC4006		8
59	EC4239	Tài chính công	3	45			EC4002		8
60	EC4225	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45					8
61	EC4224	Phân tích và thẩm định dự án đầu tư	3	45					8
IV. Kiến thức bổ trợ			7						
62	EC4346N	Kỹ năng làm việc hiệu quả trong doanh nghiệp	2	30					6
63	EC4281	Khởi nghiệp	3	45			EC4005		9
64	EC5000	Tiếng anh cho chuyên ngành Kế toán	2	30					6
V. Khối kiến thức thực tập nghề nghiệp			15						
65	EC4409	Thực tập nghề nghiệp	3	15	60				8
66	EC4141	Thực hành kế toán ảo	3	15	60		EC4215		9
67	EC4491N	Thực tập cơ sở	3		90				10
68	EC4407N	Thực tập tốt nghiệp	6		180				10
VI. Khóa luận tốt nghiệp/Đồ án tốt nghiệp/Học phần thay thế			6						
6.1. Khóa luận tốt nghiệp			6						
69	EC4297A	Khóa luận tốt nghiệp	6		180				11
6.2. Học phần thay thế khóa luận			6						
70	EC4102	Kế toán quốc tế	3	45			EC4006		11
71	EC4315N	Kiểm toán	3	45			EC4006		11
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			134	1528	672				
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ tích lũy:			120						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			109						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			11						